TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1380/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thành Viên

ông Nguyễn Văn Soan

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký tòa án, Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 767/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 480/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023.

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Trần Trung H1, sinh năm 1980; địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2023, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

bà H và ông Trần Trung H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ngày tháng năm . Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H1 để ổn định cuộc sống. Về con chung: bà H

có 02 con chung với ông H1 tên là Trần Ngọc Thiên T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Trần Trung T1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2005, cả hai con đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Trong phiên hòa giải ngày 28/8/2023, ông Trần Trung H1 trình bày: về quan hệ kết hôn, con chung đúng như bà H trình bày, nay bà H có đơn xin ly hôn, ông H1 thấy còn tình cảm yêu thương bà H nên ông H1 không đồng ý giải quyết ly hôn. Về con chung: ông H1 không có ý kiến gì về việc giải quyết con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông H1 không có ý kiến gì về việc giải quyết nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: ngày tháng năm do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Trung H1 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông H1 là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà H thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân là do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, hiện vợ chồng đã ly thân. Như vậy, cho thấy vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà H được ly hôn với ông H1, quan hệ hôn nhân chấm dứt khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: bà H có 02 con chung với ông H1 tên là Trần Ngọc Thiên T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Trần Trung T1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2005, cả hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Trung H1.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ngày tháng năm do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Trung H1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: bà H có 02 con chung với ông H1 tên là Trần Ngọc Thiên T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2003 và Trần Trung T1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2005, cả hai con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), bà H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà H đã tạm nộp án phí theo biên lai số: ngày tháng năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn